

Bản án số 853/2023/HC-PT

Ngày 28/11/2023

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;
Ông Đặng Đình Lực.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Mai, Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 24, 28 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 522/2023/TLPT-HC ngày 06 tháng 7 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2023/HC-ST ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12780/2023/HC-ST ngày 08 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

*** *Người khởi kiện:*** Bà Đào Thị H, sinh năm 1947; Nơi cư trú: Xóm N, thôn L, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Có mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1945; Nơi cư trú: Thôn N1, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Có mặt.

*** *Người bị kiện:*** Chủ tịch UBND huyện Đ, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Anh D, Chức vụ: Phó chủ tịch UBND huyện Đ; Vắng mặt.

*** *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. UBND xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội;

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Hoàng Xuân H1 - Chức vụ: Chủ tịch; Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1960; Vắng mặt.

3. Bà Đào Thị Q, sinh năm 1966; Vắng mặt.

4. Bà Đào Thị L, sinh năm 1971; Vắng mặt.

5. Ông Đào Đức T, sinh năm 1985; Vắng mặt.

6. Bà Đào Thị Minh T1, sinh năm 1986; Vắng mặt.

7. Bà Vương Thị N1, sinh năm 1986; Vắng mặt.

8. Ông Trần Văn N2, sinh năm 1991; Vắng mặt.

9. Chị Nguyễn Thị Kim N3, sinh năm 1981; Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội;

10. Bà Đào Thị D1, sinh năm 1957; Nơi cư trú: Xóm T1, thôn V1, xã V2, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của N3:* Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1945; Nơi cư trú: Thôn N1, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, người khởi kiện trình bày như sau:*

- Đề nghị hủy một phần Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 388/QĐ-UBND ngày 15/9/1999 của UBND huyện Đ;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy 0935/QSDĐ do UBND huyện Đ cấp ngày 18/9/1999, chủ sử dụng hộ ông Đào Văn T2;

- Hủy Quyết định số 12639/QĐ-CTUB ngày 22/10/2021 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của chủ tịch UBND huyện Đ.

Căn cứ đề nghị hủy các quyết định trên như sau: Trước năm 1993 bà H được bố mẹ bà cho sử dụng một phần diện tích đất là 120m² trong thửa đất số 54 tờ bản đồ số 26 tại thôn L, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội để xây dựng nhà. Năm 1999 ông T2 (em trai bà) đề nghị cấp giấy chứng nhận thửa đất trên nhưng không có chữ ký của bà khi làm hồ sơ cấp giấy.

* *Người bị kiện Chủ tịch và UBND huyện Đ trình bày:*

Ngày 28/4/1999, ông Đào Văn T2 đại diện cho hộ gia đình kê khai Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thổ cư đối với thửa đất số 54, tờ bản đồ số 26, diện tích 486m² đất thổ cư tại thôn L, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Hồ sơ đã được UBND xã T hoàn thiện, kiểm tra bản đồ địa chính, xác định mốc giới, kích thước hình thể, xác nhận nguồn gốc đất, hồ sơ đã được Hội đồng đăng ký đất đai xã T xét duyệt và xác nhận. Trong quá trình công khai hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, UBND xã T không nhận được bất kỳ khiếu kiện, thắc mắc nào có liên quan đến thửa đất trên. Ngày 07/8/1999, căn

cứ hồ sơ, kèm Tờ trình của UBND xã T ngày 15/9/1999 UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 388/QĐ-UB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở nông thôn cho 123 hộ nhân dân xã T, trong đó có trường hợp hộ gia đình ông Đào Văn T2 tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 26, diện tích 486m² đất ở tại thôn L, xã T. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Đào Văn T2 đã thực hiện theo đúng quy trình, trình tự và đúng thẩm quyền được quy định tại Luật đất đai năm 1993.

Về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị H, địa chỉ thôn L, xã T, huyện Đ đối với Văn bản số 1845/UBND-TNMT ngày 22/6/2021 của UBND huyện Đ (lần đầu). Bà Đào Thị H khiếu nại Văn bản số 1845/UBND-TNMT ngày 22/6/2021 của UBND huyện Đ về việc trả lời đơn đề nghị của bà Đào Thị H. Căn cứ Báo cáo số 203/BC-TNMT ngày 15/10/2021 của phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 12639/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại giữ nguyên các nội dung tại Văn bản số 1845/UBND-TNMT ngày 22/6/2021 của UBND huyện Đ. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã T trình bày: Nhất trí với bản trình bày của UBND huyện Đ.*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X, bà Đào Thị Q, bà Đào Thị L, ông Đào Đức T, bà Đào Thị Minh T1, bà Vương Thị N1, ông Trần Văn N2 và bà Đào Thị D1 thống nhất trình bày:*

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông T2 đã được UBND xã T cùng các phòng ban chuyên môn của UBND huyện Đ kiểm tra và xác minh nguồn gốc đất nên UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Đào Văn T2 là đúng nguồn gốc đất theo quy định của pháp luật. Không đồng ý huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đơn của bà Đào Thị H.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chị Nguyễn Thị Kim N3: nhất trí với phần trình bày của bà Đào Thị H.*

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2023/HC-ST ngày 12/01/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Bộ luật Tổ tụng hành chính ; Điều 36 Luật đất đai năm 1993; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/01/2023, người khởi kiện bà Đào Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Trước năm 1993 bà H được bố mẹ bà cho sử dụng một phần diện tích đất là 120m² (trong tổng diện tích 486m²) thửa đất số 54 tờ bản đồ số 26 tại thôn L, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội để xây dựng nhà, có khuôn viên riêng và sinh sống ổn định từ năm 1990 đến nay; hàng năm gia đình bà H vẫn nộp thuế đất. Năm 1999 ông T2 (em trai bà) đề nghị cấp giấy chứng nhận thửa đất trên nhưng không có chữ ký của bà khi làm hồ sơ cấp giấy và khi cấp đã cấp cả phần đất của gia đình bà H đang sử dụng. Nay đề nghị hủy một phần Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 388/QĐ-UBND ngày 15/9/1999 của UBND huyện Đ; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy 0935/QSDĐ do UBND huyện Đ cấp ngày 18/9/1999, chủ sử dụng hộ ông Đào Văn T2; hủy Quyết định số 12639/QĐ-CTUB ngày 22/10/2021 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của chủ tịch UBND huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm; Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa; Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận kháng cáo của bà Đào Thị H. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2023/HC-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Đào Thị H nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 205, Điều 206 Luật tố tụng hành chính nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2] Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng quy định tại khoản 2 Điều 3; Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, người bị kiện; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 157 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Đào Thị H, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Nguồn gốc thửa đất số 54, tờ bản đồ số 26 thôn L, xã T các đương sự đang tranh chấp là đất thổ cư (đất phi nông nghiệp) do ông cha để lại. Theo Sổ mục kê và Bản đồ 299 là thửa đất số 88, diện tích 462m². Sổ mục kê ghi tên Đào Văn T3. Theo Bản đồ địa chính 364 (phê duyệt năm 1996) thửa đất số 54, tờ bản đồ số 26 tên chủ sử dụng là ông Đào Văn T3. Phía Bắc giáp chủ sử dụng đất là Đào Văn G; phía Tây giáp chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn V; Phía Nam và Đông giáp đường đi. Ngày 28/4/1999, ông Đào Văn T2 đại diện cho hộ gia đình kê khai đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thổ cư đối với thửa đất số 54, tờ bản đồ số 26, diện tích 486m². Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ gia đình ông Đào Văn T2 có kê khai đối với thửa đất số 54, tờ bản đồ số 26, diện tích 486m² là đất thổ cư cũ và đã được UBND xã T xác nhận ngày 16/8/1999. Ngày 15/9/1999, UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 388/QĐ-UB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở nông thôn cho 123 hộ nhân dân xã T, trong đó có trường hợp hộ gia đình ông Đào Văn T2 tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 26, diện tích 486m² đất ở tại thôn L, xã T.

[2.2] UBND xã T đã tổ chức Hội nghị lấy ý kiến cộng đồng dân cư vào ngày 08/4/2021 xác định: Tại thời điểm ông Đào Văn T2 được cấp GCN QSD đất vợ chồng ông T2 (ông T2, bà Xuân); 02 con của ông T2 (trai, gái); bà H, vợ chồng anh H2, N3 (con trai, con dâu bà H); cụ C (là mẹ đẻ của ông T2, bà H). Trên đất ông T2 được cấp GCN QSD đất gia đình bà H được xây dựng ngôi nhà và khuôn viên vào khoảng năm 1988 - 1989 (trước khi cụ T3 mất vào khoảng năm 1994). Hàng năm vẫn nộp thuế quyền sử dụng đất.

[2.3] Tại phiên tòa người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền trình bày, trước năm 1993 bà H được bố mẹ bà cho sử dụng một phần diện tích đất là 120m² (trong tổng diện tích 486m²) thửa đất số 54 tờ bản đồ số 26 tại thôn L, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội để xây dựng nhà, có khuôn viên riêng và sinh sống ổn định từ năm 1990 đến nay; hàng năm gia đình bà H vẫn nộp thuế đất. Năm 1999 ông T2 (em trai bà) đề nghị cấp giấy chứng nhận thửa đất trên nhưng không có chữ ký của bà khi làm hồ sơ cấp giấy và khi cấp đã cấp cả phần đất của gia đình bà H đang sử dụng.

[2.4] Do đó, có thể xác định: Diện tích đất các đương sự đang tranh chấp là cụ T3, cụ C, điều này được các đương sự thừa nhận, hai cụ trước khi chết không để lại di chúc nào có hiệu lực cho ông T2 diện tích đất trên trong khi hai cụ có 05 người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất cũng không có tên trong sổ hộ khẩu năm 1999 (tức là thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T2); ông T2 cũng không có tài liệu nào chứng minh những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T3, thống nhất để ông T2 đứng tên thửa đất tranh chấp nêu trên. Hồ sơ cấp Giấy cũng không phản ánh đúng thực tế thửa đất vì trên diện tích đất 486m² còn có nhà của bà H. Như vậy, việc cấp Giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử

dụng đất cho hộ gia đình ông Đào Văn T2 tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 26 thôn L, xã T, huyện Đ đã thực hiện không đúng quy trình, trình tự thủ tục. Điều này được thể hiện tại đơn đăng ký kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ghi đại diện gia đình gồm có các thành viên ký tên gồm có ông T2, bà X, cụ Trần Thị C và cụ Đào Văn T3. Tuy nhiên tại thời điểm viết đơn cụ T3 đã chết (1994) và bà X (con dâu, vợ anh T2) không phải hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ.

[2.5]. Như phân tích ở trên việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T2 không đúng dẫn đến bà H có đơn khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND huyện Đ. Ngày 22/10/2021, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 12639/QĐ-CTUB giải quyết khiếu nại của bà H giữ nguyên các nội dung tại Văn bản số 1845 ngày 22/6/2021 là cũng không có căn cứ. Do đó, kháng cáo của bà H hủy các quyết định là có căn cứ được chấp nhận và được cấp lại theo quy định của pháp luật thừa kế.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Đào Thị H; Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2023/HC-ST ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Xử:

1. Hủy một phần Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 388/QĐ-UBND ngày 15/9/1999 của UBND huyện Đ; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy 0935/QSDĐ do UBND huyện Đ cấp ngày 18/9/1999, chủ sử dụng hộ ông Đào Văn T2; hủy Quyết định số 12639/QĐ-CTUB ngày 22/10/2021 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của chủ tịch UBND huyện Đ.

2. Về án phí: Bà H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị thì đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Hà

